

ĐA DẠNG THỰC VẬT HỌ LAN (ORCHIDACEAE Juss.) Ở HAI KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN SƠN TRÀ VÀ BÀ NÀ-NÚI CHÚA (ĐÀ NẴNG)

DƯƠNG ĐỨC HUYỀN

*Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật,
Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam*

ĐINH HỮU QUỐC BẢO

Trung tâm Công nghệ Sinh học Đà Nẵng

Để góp phần biên soạn các tập tiếp theo của bộ Thực vật chí Việt Nam, việc điều tra thu thập mẫu vật và hoàn chỉnh những dẫn liệu phân loại các nhóm taxon thuộc các họ thực vật khác nhau là rất cần thiết. Trong khuôn khổ của bài viết, chúng tôi trình bày kết quả nghiên cứu họ Lan (Orchidaceae Juss.) trong hai năm (2013-2014) tại hai Khu Bảo tồn thiên nhiên Sơn Trà và Bà Nà-Núi Chúa thuộc thành phố Đà Nẵng.

I. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đối tượng nghiên cứu là các loài trong họ Lan (Orchidaceae Juss.) ở hai khu bảo tồn thiên nhiên (KBTTN) Sơn Trà và Bà Nà-Núi Chúa (Đà Nẵng). Tại thực địa, việc điều tra được thực hiện theo các tuyến. Chúng tôi đã điều tra theo 7 tuyến ở KBTTN Sơn Trà và 7 tuyến ở KBTTN Bà Nà-Núi Chúa. Các mẫu tiêu bản tươi được phân tích, nghiên cứu tại thực địa và lưu giữ tại nhà lưới của Trung tâm Công nghệ sinh học Đà Nẵng. Các mẫu tiêu bản khô được xử lý và lưu giữ tại Phòng tiêu bản thực vật (HN), Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật và tại Trung tâm Công nghệ Sinh học Đà Nẵng (DNCBT).

Phương pháp nghiên cứu được sử dụng là phương pháp so sánh hình thái, phương pháp truyền thống, đơn giản nhưng đảm bảo độ tin cậy cao.

II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Kết quả nghiên cứu được thể hiện dưới dạng một danh lục các loài Lan của hai KBTTN nói trên, tên đồng nghĩa, tên Việt Nam, phân bố và mẫu vật các loài bổ sung.

DANH LỤC CÁC LOÀI HỌ LAN (ORCHIDACEAE Juss.) Ở KBTTN SƠN TRÀ VÀ KBTTN BÀ NÀ-NÚI CHÚA (ĐÀ NẴNG)

1. *Acriopsis liliifolia* (Koenig) Ormerod, 1995. Opera Bot. 124: 58; – *Epidendrum liliifolium* Koenig, 1791 in Retz. Obs. VI.: 61; – Tổ yến java.

Phân bố: Đà Nẵng (Bà Nà). Còn có ở Quảng Trị, Lâm Đồng, Tây Ninh.

2. *Adenoccos vesiculosa* Carr. 1932. Gard. Bull. (Singapore) 7: 37; – Yên thư.

Phân bố: Đà Nẵng (Bà Nà). Còn có ở Thừa Thiên-Huế, Lâm Đồng.

3. *Aerides odorata* Lour. 1790. Fl. Cochinchin.: 525; – Quế lan hương, Lan quế.

Phân bố: Đà Nẵng (Sơn Trà, Bà Nà). Còn có ở Lai Châu, Lào Cai, Yên Bái, Vĩnh Phúc, Hòa Bình, Ninh Bình, Thừa Thiên-Huế, Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng, Đồng Nai. Loài bổ sung cho Đà Nẵng (Bà Nà).

Mẫu bổ sung: Huyền-968, Huyền-1005, Huyền 1039, Huyền 1043 (HN); N25D9b, N29D7, N29D9b, N35D8b (DNCBT).

4. *Appendicula cornuta* Blume, 1825. Bijdr. 6, fig.12; id. 1825. ibid. 7: 302; – Vê lan măng, Lan hạt bí, Vê lan trắng.

Phân bố: Đà Nẵng (Bà Nà). Còn có ở Cao Bằng, Thừa Thiên-Huế, Khánh Hòa, Lâm Đồng, Tây Ninh, Đồng Nai, Bà Rịa-Vũng Tàu. Loài bổ sung cho Đà Nẵng (Bà Nà).

Mẫu bổ sung: Huyền-793, Huyền-976, Huyền-1049, Huyền-1061 (HN); N6D8b, N10D10, N35D9b (DNCBT).

5. *Apostasia wallichii* R. Br. 1830. In Wall. Pl. As. Rar. 1: 75; – Cỏ lan wallich.

Phân bố: Đà Nẵng (Bà Nà). Còn có ở Hà Nội, Khánh Hòa, Lâm Đồng, Đồng Nai.

6. *Arundina graminifolia* (D. Don) Hochr. 1910. Bull. New York Bot. Gard. 6: 270; – *Bletia graminifolia* D. Don, 1825. Prodr. Fl. Nepal: 29; – **Lan trúc**, Sậy lan, Lan trúc lá tre.

Phân bố: Đà Nẵng (Bà Nà). Còn có ở Lào Cai, Sơn La, Vĩnh Phúc, Quảng Ninh, Ninh Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên-Huế, Quảng Nam, Kon Tum, Đắk Lắk, Khánh Hòa, Lâm Đồng. Loài bổ sung cho Đà Nẵng (Bà Nà).

Mẫu bổ sung: N2D2, N15D8b, N28D2 (DNCBT).

7. *Bulbophyllum insulsum* (Gagnep.) Seidenf. 1973. Dansk Bot. Ark. 29(1): 141; id. 1992. Opera Bot. 114: 267; – *Cirrhopetalum insulsum* Gagnep. 1950. Bull. Mus. Hist. Nat. (Paris) II (22): 403.

Phân bố: Đà Nẵng (Bà Nà). Còn có ở Lào Cai, Thái Nguyên, Lâm Đồng.

8. *Bulbophyllum lepidum* (Blume) J.J. Smith, 1905. Fl. Buitenzorg 6(1): 471; – *Ehippium lepidum* Blume, 1825. Bijdr. 7: 310; – Lọng vảy, Cầu diệp vảy.

Phân bố: Đà Nẵng (Bà Nà). Còn có ở Lào Cai, Ninh Bình, Thừa Thiên-Huế, Lâm Đồng, Bà Rịa-Vũng Tàu, Kiên Giang. Loài bổ sung cho Đà Nẵng (Bà Nà).

Mẫu bổ sung: N23-D4 (DNCBT).

9. *Bulbophyllum macranthum* Lindl. 1844. Bot. Reg. 80. Tab.13; – Cầu hành hoa to. *Phân bố:* Đà Nẵng (Bà Nà). Còn có ở Vĩnh Phúc, Hải Phòng, Khánh Hòa, Tây Ninh, Đồng Nai. Loài bổ sung cho Đà Nẵng (Bà Nà).

Mẫu bổ sung: Huyền-948 (HN); N9D7 (DNCBT).

10. *Bulbophyllum pecten-veneris* (Gagnep.) Seidenf. 1973. Dansk Bot. Ark. 29(1): 37; id. 1992. Opera Bot. 114: 278; – Lọng hoa vàng.

Phân bố: Đà Nẵng (Bà Nà). Còn có ở Kon Tum; Lâm Đồng. Loài bổ sung cho Đà Nẵng (Bà Nà).

Mẫu bổ sung: N23D6, N29D6 (DNCBT).

11. *Bulbophyllum retusiusculum* Reichb. 1869. Gard. Chron.: 1182; – Lọng đà nằng.

Phân bố: Đà Nẵng (Liên Chiểu, Tourane).

12. *Calanthe triplicata* (Willem.) Ames, 1907. Philipp. Journ. Sci. (Bot.) 2: 326; – *Orchis triplicata* Willem. 1796. Usteri Ann. Bot. 18: 52; – Kiêu hoa xếp ba, Bò cạp.

Phân bố: Đà Nẵng (Bà Nà). Còn có ở Hà Giang, Cao Bằng, Quảng Ninh, Hải Phòng, Ninh Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Khánh Hòa, Kon Tum, Lâm Đồng, Đồng Nai, An Giang.

13. *Callostylis bambusifolia* (Lindley) S. C. Chen & J. J. Wood, Fl. China. 25: 359. 2009; – *Eria bambusifolia* Lindl. 1859. Journ. Linn. Soc. London (Bot.) 3: 61; – Nỉ lan lá tre.

Phân bố: Đà Nẵng (Bà Nà). Còn có ở Lai Châu, Thừa Thiên-Huế. Loài bổ sung cho Đà Nẵng (Bà Nà).

Mẫu bổ sung: Huyền-798, Huyền-988, Huyền-1032 (HN), N20D2, N18D8b (DNCBT).

14. *Callostylis rigida* Blume, 1825. Bijdr. 6, fig. 74; – Mỹ nữ, Nỉ lan biến màu.

Phân bố: Đà Nẵng (Bà Nà). Còn có ở Sơn La, Cao Bằng, Quảng Bình, Kon Tum, Gia Lai, Lâm Đồng.

15. *Ceratostylis siamensis* Rolfe ex Downie, 1925. Kew Bull.: 379; – Giác thư xiêm.

Phân bố: Đà Nẵng (Bà Nà). Còn có ở Lào Cai, Hà Nội, Thừa Thiên-Huế, Kon Tum, Lâm Đồng.

16. *Cheirostylis cochinchinensis* Blume, 1858. Coll. Orch. Arch. Ind. Jap.: 55; – Thủ thư nam bộ, Lan trụ xê hình quạt.

Phân bố: Đà Nẵng (Bà Nà). Còn có ở Lâm Đồng.

17. *Cleisostoma birmanicum* (Schltr.) Garay, 1972. Bot. Mus. Leafl. Harv. Univ. 23(4): 170; – Mật khẩu miền điện, Nhục lan miền.

Phân bố: Đà Nẵng (Bà Nà). Còn có ở Vĩnh Phúc, Quảng Trị, Kon Tum, Lâm Đồng.

18. *Cleisostoma equestre* Seidenf. 1992. Opera Bot. 114.: 393; – Mật khẩu rời rạc.

Phân bố: Mới thấy ở Đà Nẵng (Sơn Trà). Loài đặc hữu của Đà Nẵng (Việt Nam), có tên trong Sách Đỏ Việt Nam (2007).

19. *Cleisostoma filiforme* (Lindl.) Garay, 1972. Bot. Mus. Leafl. Harv. Univ. 23(4): 171; – *Sarcanthus filiformis* Lindl. 1842. Bot. Reg. 28, Misc. 61; – Mật khẩu sợi.

Phân bố: Đà Nẵng (Bà Nà). Loài bổ sung cho Đà Nẵng (Bà Nà).

Mẫu bổ sung: Huyền-958, Huyền-964 (HN); N19D7, N25D7 (DNCBT).

20. *Cleisostoma striatum* (Reichb. f.) Garay, Bot. Mus. Leafl. Harv. Univ. 23(4): 175; – *Echioglossum striatum* Reichb. f. 1879. Gard. Chron. 2: 390; – Mật khẩu sọc.

Phân bố: Đà Nẵng (Bà Nà). Còn có ở Hà Giang, Tuyên Quang, Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Ninh Bình, Quảng Bình, Quảng Trị, Gia Lai, Lâm Đồng, Đồng Nai.

21. *Coelogyne assamica* Linden & Reichb. f. 1857. Allg. Gartenz. 1857: 403; – Thanh đạm đà lạt, Thanh đạm assam.

Phân bố: Đà Nẵng (Bà Nà). Còn có ở Gia Lai. Loài bổ sung cho Đà Nẵng (Bà Nà).

Mẫu bổ sung: N26D4 (DNCBT).

22. *Cryptostylis arachnites* (Blume) Hassk. 1844. Cat. Bog.: 48; – *Zosterostylis arachnites* Blume, 1825. Bijdr. 6. Fig.32; id.1825. ibid. 6: 413; – Ân thư nhện.

Phân bố: Loài bổ sung cho Đà Nẵng (Bà Nà). Còn có ở Kon Tum, Lâm Đồng.

Mẫu bổ sung: Huyền-1010 (HN); N12D4, N40D8b (DNCBT).

23. *Cymbidium aloifolium* (L.) Sw. 1799. Kgl Vet. Ak. nya Handl. 6: 73; – Lan kiếm.

Phân bố: Đà Nẵng (Sơn Trà, Bà Nà). Còn có ở Lào Cai, Sơn La, Cao Bằng, Quảng Ninh, Hà Tây, Hà Nam, Hải Phòng, Ninh Bình, Nghệ An, Thừa Thiên-Huế, Khánh Hòa, Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng, Tây Ninh, Bà Rịa-Vũng Tàu, Kiên Giang.

24. *Cymbidium banaense* Gagnep. 1950. Bull. Mus. (Paris) II. 22(5): 626; – Thiên nga, Đoàn kiếm bà nà.

Phân bố: Mới thấy ở Đà Nẵng (Bà Nà). Loài đặc hữu của Đà Nẵng (Việt Nam).

25. *Cymbidium erythrostylum* Rolfe, 1905. Gard. Chron. III. 38: 427; – Bạc lan.

Phân bố: Đà Nẵng (Bà Nà). Còn có ở Khánh Hòa (Nha Trang), Lâm Đồng (Langbian).

26. *Cymbidium finlaysonianum* Lindl. 1833. Gen. & Sp. arch. 1833: 164; – Đoàn kiếm finlayson.

Phân bố: Đà Nẵng (Bà Nà). Còn có ở Hà Nội, Quảng Trị, Bình Định, Khánh Hòa.

27. Dendrobium acinaciforme Roxb. 1832. Fl. Ind. 3: 487; Gagnep. 1932 in Lecomte, Fl. Gen. Indoch. 6: 246; – Chân rết lá xanh, Lan xương cá, Hoàng thảo bà nà.

Phân bố: Đà Nẵng (Sơn Trà, Bà Nà). Còn có ở Sơn La, Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Thái Nguyên, Ninh Bình, Quảng Nam, Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Kiên Giang, Đồng Nai. Loài bổ sung cho Đà Nẵng (Sơn Trà).

Mẫu bổ sung: N2D8 (DNCBT).

28. Dendrobium draconis Reichb. f. 1862. Bot. Zeit. 214; – Nhất điểm hồng.

Phân bố: Đà Nẵng (Bà Nà). Còn có ở Thừa Thiên-Huế, Khánh Hòa, Lâm Đồng.

29. Dendrobium ellipsophyllum T. Tang & F. T. Wang, 1951. Acta Phytotax. Sin. 1(1): 81; – Hương duyên, Hoàng thảo cuộn.

Phân bố: Đà Nẵng (Bà Nà). Còn có ở Nghệ An, Quảng Trị, Thừa Thiên-Huế, Kon Tum, Gia Lai, Lâm Đồng, Ninh Thuận.

30. Dendrobium faulhaberianum Schltr., 1911. Orchis. 5: 58; – Bạch trúc, Bạch nhận.

Phân bố: Đà Nẵng (đèo Hải Vân, Bà Nà). Còn có ở Quảng Ninh, Quảng Trị, Thừa Thiên-Huế, Kon Tum, Gia Lai.

31. Dendrobium hercoglossum Reichb. f. 1866. Gard. Chron. 2: 487; – Mũi câu, Thạch học hoa tím, Thạch học môi móc, Thủy tiên lưỡi, Hoàng thảo hồng.

Phân bố: Đà Nẵng (Sơn Trà, Bà Nà). Còn có ở Tuyên Quang, Phú Thọ, Thái Nguyên, Quảng Trị, Quảng Nam, Gia Lai, Lâm Đồng. Loài bổ sung cho Đà Nẵng (Sơn Trà).

Mẫu bổ sung: N1D7, N1D8, N2D7, N4D8, N12D8 (DNCBT).

32. Dendrobium nobile Lindl. 1830. Gen. Sp. Orch. Pl. 79; – Thạch học, Hoàng thảo đùi gà, Phi điệp kép, Hoàng phi hạc, Hoàng thảo dẹt.

Phân bố: Đà Nẵng (Sơn Trà, Bà Nà). Còn có ở Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Vĩnh Phúc, Hòa Bình, Hà Nội, Ninh Bình, Nghệ An, Hà Tĩnh, Đà Nẵng, Quảng Nam, Kon Tum, Lâm Đồng, Đồng Nai. Loài bổ sung cho Đà Nẵng (Bà Nà).

Mẫu bổ sung: Huyền-966, Huyền-969 (HN); N27D7, N30D7 (DNCBT).

33. Dendrobium parishii Reichb. f. 1863. Bot. Zeit. 21: 237; – Song hồng.

Phân bố: Đà Nẵng (Bà Nà). Còn có ở Hải Phòng, Quảng Trị, Quảng Nam, Kon Tum, Gia Lai, Lâm Đồng.

34. Dendrobium terminale Par. & Reichb. f. 1874. Trans. Linn. Soc. London (Bot.) 30(1): 149; – Lan trăm, Thạch học lá dao, Ngọc vạn đỉnh.

Phân bố: Đà Nẵng (Bà Nà). Còn có ở Nghệ An, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên-Huế, Gia Lai, Lâm Đồng.

35. Dendrobium thysiflorum Reichb. f. 1875 in Andre, Illustr. Hort. 22: 88; – Lan thủy tiên mỡ gà, Lan thủy tiên vàng, Thủy tiên vàng.

Phân bố: Đà Nẵng (Bà Nà). Còn có ở Phú Thọ, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Kon Tum, Đắk Lắk, Lâm Đồng. Loài bổ sung cho Đà Nẵng (Bà Nà).

Mẫu bổ sung: Huyền-956, Huyền-970 (HN); N3D8b, N7D10, N17D7, N25D7b, N25D11, N31D7 (DNCBT).

36. Dendrobium tortile Lindl. 1847. Gard. Chron. 1847. – Hoàng thảo xoắn.

Phân bố: Đà Nẵng (Bà Nà). Còn có ở Lào Cai, Vĩnh Phúc, Hà Nội, Ninh Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên-Huế, Lâm Đồng. Loài bổ sung cho Đà Nẵng (Bà Nà).

Mẫu bổ sung: N21D7b, N27D7b, N32D7 (DNCBT).

37. *Dendrobium williamsonii* Day. & Reichb. f. 1869. Gard. Chron. 1869: 78; – Bình minh, Thạch học lông đen.

Phân bố: Đà Nẵng (Bà Nà). Còn có ở Lâm Đồng.

38. *Dienia ophrydis* (Koenig) Ormerod & Seidenf. 1997. Contrib. Orchid Fl. Thailand XIII: 18; – *Epidendrum ophrydis* Koenig, 1771. Retz. Obs. 6: 46; – Diên lan, Ái lan lá.

Phân bố: Đà Nẵng (Bà Nà). Còn có ở Thừa Thiên-Huế, Kon Tum, Lâm Đồng, Khánh Hòa, Bà Rịa-Vũng Tàu, Kiên Giang.

39. *Doritis pulcherrima* Lindl. 1833. Gen. Sp. Orchid. Pl. 178; – Hồng tuyến, Điệp lan.

Phân bố: Đà Nẵng (Bà Nà). Còn có ở Khánh Hòa, Lâm Đồng, Ninh Thuận, Bình Thuận, Kiên Giang.

40. *Epigeneium clemensiae* Gagnep. 1932. Bull. Mus. Hist. Nat. (Paris) II. 4: 595; – Thượng duyên clemens.

Phân bố: Đà Nẵng (Bà Nà). Còn có ở Thừa Thiên-Huế.

41. *Eria carunculosa* (Gagnep.) Seidenf. ex Aver. 1988. Bot. Zhurn. (Leningrad) 73(3): 432; – *Dendrobium carunculosum* Gagnep. 1949. Bull. Mus. Hist. Nat. (Paris) II. 21(6): 732 – Nỉ lan mòng nhỏ.

Phân bố: Mới thấy ở Đà Nẵng (Bà Nà). Loài đặc hữu của Việt Nam.

42. *Eria coronaria* (Lindl.) Reichb. f. in Walp. 1861 (CCVN, 3: 1057); – *Coelogyne coronaria* Lindl. 1841; – Nỉ lan trắng, Lan len trắng, Nỉ lan thơm.

Phân bố: Lào Cai, Hà Giang, Vĩnh Phúc, Ninh Bình, Thừa Thiên-Huế, Kon Tum, Lâm Đồng. Loài bổ sung cho Đà Nẵng (Bà Nà).

Mẫu bổ sung: Huyền-989, Huyền-1025 (HN); N11D9b, N19D8b (DNCBT).

43. *Eria paniculata* Lindl. in Wall. 1830, Pl. As. Rar. I. 32, t.36; – Nỉ lan chùy.

Phân bố: Đà Nẵng (Bà Nà). Còn có ở Phú Thọ, Thái Nguyên, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên-Huế, Khánh Hòa, Kon Tum, Gia Lai, Lâm Đồng, Ninh Thuận.

44. *Flickingeria angustifolia* (Blume) Hawkes, 1961. Orch. Weekly 2, 46: 452; – *Desmotrichum angustifolium* Blume, 1825. Bijdr.7: 330. – Lan phích lá hẹp.

Phân bố: Đà Nẵng (Bà Nà). Còn có ở Quảng Trị, Thừa Thiên-Huế, Kon Tum, Lâm Đồng. Loài bổ sung cho Đà Nẵng (Bà Nà).

Mẫu bổ sung: N3D11, N13D9b, N15D9b, N22D8b, N28D9b, N29D9b, N33D8b, N40D4 (DNCBT).

45. *Flickingeria fimbriata* (Blume) Hawkes, 1961. Orch. Weekly 2, 46: 454; – *Desmotrichum fimbriatum* Blume, 1825. Bijdr.7: 329; – Lan sóc sách.

Phân bố: Đà Nẵng (Bà Nà). Còn có ở Hà Nam, Nghệ An, Quảng Bình, Khánh Hòa, Lâm Đồng, Bình Thuận, Bà Rịa-Vũng Tàu. Loài bổ sung cho Đà Nẵng (Bà Nà).

Mẫu bổ sung: Huyền-992, Huyền-1003, Huyền 1027, Huyền 1029, Huyền-1068 (HN); N3D11, N13D9b, N15D9b, N22D8b, N33D8b (DNCBT).

46. *Galeola nudifolia* Lour. 1790. Fl. Cochinchin.: 521; – Lan leo không lá.

Phân bố: Đà Nẵng (Bà Nà). Còn có ở Hà Nội, Hòa Bình, Quảng Trị. Loài bổ sung cho Đà Nẵng (Bà Nà).

Mẫu bổ sung: Huyền-82b (HN).

47. *Geodorum densiflorum* (Lamk.) Schltr., 1919. Fed. Repert. Beih. 4: 259; Seidenf. 1992. Opera Bot. 114: 333; – Địa kim hoa dày, Địa kim đỏ, Lan đất tía.

Phân bố: Đà Nẵng (Bà Nà). Còn có ở Vĩnh Phúc, Hà Nam, Hà Nội, Quảng Trị, Thừa Thiên-Huế, Đồng Nai, Bà Rịa-Vũng Tàu.

48. *Glossochilopsis finetii* (Gagnep.) Szlach. 1995. Fragm. Florist. Geobot. Supp. 3: 123; – *Microstylis finetii* Gagnep. 1932 (FGL, 6: 167); – Giả cầu lan, Ái lan finet.

Phân bố: Mới thấy ở Đà Nẵng. Loài đặc hữu của Đà Nẵng (Việt Nam).

49. *Habenaria acutifera* Wall. ex Lindl. 1835. Gen. & Sp. Orch.: 325; – Hà biện nhọn.

Phân bố: Đà Nẵng (Bà Nà). Còn có ở Hải Dương, Hà Nội, Thừa Thiên-Huế, Gia Lai, Lâm Đồng, Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa-Vũng Tàu, Kiên Giang.

50. *Habenaria viridiflora* (Rottl. ex Sw.) R. Br. 1810. Prodr. Fl. N. Holt.: 312; – *Orchis viridiflora* Rottl. ex Sw. 1800; – Hà biện hoa lục.

Phân bố: Đà Nẵng (Bà Nà). Còn có ở Thừa Thiên-Huế, Bà Rịa-Vũng Tàu.

51. *Kingidium deliciosum* (Reichenb. f.) Sweet, 1970. Amer. Orch. Soc. Bull. 39: 1095; – *Phalaenopsis deliciosa* Reichenb. f. 1854. Bonplandia 2: 93; – Tiêm nang lan.

Phân bố: Đà Nẵng (Bà Nà). Còn có ở Thừa Thiên-Huế, Lâm Đồng, Đồng Nai, Bà Rịa-Vũng Tàu. Loài bổ sung cho Đà Nẵng (Bà Nà).

Mẫu bổ sung: Huyền-962 (HN); N3D6, N6D6, N23D7, N28D6, N36D5 (DNCBT).

52. *Liparis balansae* Gagnep. 1932. Bull. Soc. Bot. Fr. 79: 165; – Nhãn điệp balansa.

Phân bố: Đà Nẵng (Bà Nà). Còn có ở Lào Cai, Vĩnh Phúc, Hà Nội, Khánh Hòa. Loài bổ sung cho Đà Nẵng (Bà Nà).

Mẫu bổ sung: Huyền-788, Huyền-983, Huyền-987 (HN), N13D63, N4D9b (DNCBT).

53. *Ludisia discolor* (Ker-Gawl.) A. Rich. in Bory de St.-Vincent, 1825. Dict. Class. Hist. Nat. 7: 437; – *Goodyera discolor* Ker-Gawl. 1818; – Thạch tâm, Lan lá gấm.

Phân bố: Đà Nẵng (Sơn Trà, Bà Nà). Còn có ở Lào Cai, Vĩnh Phúc, Hà Nội, Hòa Bình, Thừa Thiên-Huế, Quảng Nam, Khánh Hòa, Đắk Lắk, Lâm Đồng, Ninh Thuận, Đồng Nai, Bà Rịa-Vũng Tàu. Loài bổ sung cho Đà Nẵng (Sơn Trà).

Mẫu bổ sung: N2D4a, N6D7, N11D6 (DNCBT).

54. *Nervilia crociformis* (Zoll. & Mor.) Seidenf. 1978. Dansk Bot. Ark. 32(2): 151; – *Bolborchis crociformis* Zoll. & Mor. 1846. Syst. Verz. Zoll.: 89 – Chân trâu nhẵn.

Phân bố: Đà Nẵng (Bà Nà). Còn có ở Lâm Đồng.

55. *Oberonia caulescens* Lindl. 1830. Gen. Sp. Orchid. Pl. 15; – Móng rùa có thân, Lan quạt.

Phân bố: Đà Nẵng (Bà Nà). Còn có ở Lâm Đồng, Ninh Thuận, Bà Rịa-Vũng Tàu.

56. *Oberonia falcata* King & Pantl. 1896. Journ. Asiat. Soc. Bengal, Pt. 2, Nat. Hist. 64: 329; – Móng rùa cong, Móng rùa phẳng.

Phân bố: Đà Nẵng (Bà Nà). Còn có ở Lâm Đồng.

57. *Paphiopedilum callosum* (Reichb. f.) Stein, 1892. Orchideenbuch: 457; – *Cypripedium callosum* Reichb. f. 1886. Gard. Chron. II: 326; – Vân hải.

Phân bố: Đà Nẵng (Bà Nà). Còn có ở Quảng Trị, Lâm Đồng, Kiên Giang.

58. Paphiopedilum appletonianum (Gower) Rolfe, 1896. *Orchid Rev.*: 364; – *Cypripedium appletonianum* Gower, 1893. *Gard.* 43; – Vệ hài appleton.

Phân bố: Đà Nẵng (Bà Nà). Còn có ở Thừa Thiên-Huế, Khánh Hòa, Kon Tum, Lâm Đồng, Ninh Thuận. Loài bổ sung cho Đà Nẵng (Bà Nà). Có tên trong Sách Đỏ Việt Nam (2007).

Mẫu bổ sung: Huyền-986 (HN); N1D5, N2D5, N15D2, N16D2, N16D8b, N32D8b (DNCBT).

59. Pholidota articulata Lindl. 1930. *Gen. Sp. Orch. Pl.* 38; – Tục đoạn khế.

Phân bố: Đà Nẵng (Bà Nà). Còn có ở Lai Châu, Cao Bằng, Nghệ An, Thừa Thiên-Huế, Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng. Loài bổ sung cho Đà Nẵng (Bà Nà).

Mẫu bổ sung: Huyền-996, Huyền 1045 (HN); N26D8b, N31D7, N31D9b, N39D4 (DNCBT).

60. Pholidota chinensis Lindl. 1847. *Journ. Hort. Soc. London* 2: 308; – Thạch tiên đào, Tục đoạn trung quốc, Tục đoạn nam.

Phân bố: Đà Nẵng (Bà Nà). Còn có ở Cao Bằng, Vĩnh Phúc, Quảng Trị, Kon Tum, Khánh Hòa, Lâm Đồng, Ninh Thuận. Loài bổ sung cho Đà Nẵng (Bà Nà).

Mẫu bổ sung: Huyền 790 (HN); N23D2 (DNCBT).

61. Podochilus microphyllus Lindl. 1833. *Gen. Sp. Orch. Pl.* 234; – Túc cước thiết.

Phân bố: Đà Nẵng (Bà Nà). Còn có ở Lào Cai, Cao Bằng, Quảng Ninh, Hòa Bình, Thừa Thiên-Huế, Quảng Nam, Khánh Hòa, Lâm Đồng, Đồng Nai, Kiên Giang.

62. Pomatocalpa mannii (Reichb. f.) J. J. Smith, 1912. *Natuurw. Tijdschr. Nederl. Ind.* 72: 105; – *Cleisostoma mannii* Reichb. f. 1872. *Flora* 55: 274; – Bông can mann.

Phân bố: Đà Nẵng (Bà Nà).

63. Renanthera coccinea Lour. 1790. *Fl. Cochinchin.*: 516; – Khô mộc tía, Huyết nhung tía, Bò cạp, Lan phương vĩ (đỏ), Phi công thiên.

Phân bố: Đà Nẵng (Sơn Trà, Bà Nà). Còn có ở Hòa Bình, Hải Phòng, Hà Nội, Hà Nam, Ninh Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên-Huế, Quảng Nam, Kon Tum, Gia Lai, Phú Yên, Khánh Hòa. Loài bổ sung cho Đà Nẵng (Sơn Trà).

Mẫu bổ sung: Huyền-961 (HN); N6D8, N8D8, N22D7 (DNCBT).

64. Robiquetia spathulata (Blume) J. J. Smith, 1912. *Natuurw. Nederl. Ind.* 72: 115; – *Cleisostoma spathulatum* Blume, 1825. *Bijdr.* 8: 364; – Lỗ bì xèng, Mật khẩu vạm vỡ.

Phân bố: Đà Nẵng (Bà Nà). Còn có ở Quảng Ninh, Nghệ An, Thừa Thiên-Huế, Bà Rịa-Vũng Tàu. Loài bổ sung cho Đà Nẵng (Bà Nà).

Mẫu bổ sung: Huyền-950, Huyền-963 (HN); N11D7, N24D7 (DNCBT).

65. Tainia angustifolia (Lindl.) Benth. & Hook. f. 1883. *Gen. Pl.* 8: 515; – *Ania angustifolia* Lindl. 1831. *Gen. Sp. Orch. Pl.*: 129; – Tài lan lá hẹp.

Phân bố: Đà Nẵng (Bà Nà). Còn có ở Quảng Trị, Lâm Đồng, Ninh Thuận, Bà Rịa-Vũng Tàu. Loài bổ sung cho Đà Nẵng (Bà Nà).

Mẫu bổ sung: Huyền-1007, Huyền-1044 (HN); N25D5, N30D9b, N37D8b (DNCBT).

66. Thecostele alata (Roxb.) Parish & Reichb. f. 1874. *Trans. Linn. Soc. London (Bot.)* 30(1): 135; – *Cymbidium alatum* Roxb. 1832. *Fl. Ind.* 3: 459; – Bào trực cánh.

Phân bố: Đà Nẵng (Liên Chiểu, Bà Nà). Còn có ở Phú Thọ, Quảng Trị, Thừa Thiên-Huế, Quảng Nam, Khánh Hòa.

67. *Thrixspermum centipeda* Lour. 1790. Fl. Cochinchin.: 520; – Bạch điềm, Mao tử rít, Mao tử nhện, Lan xương cá.

Phân bố: Đà Nẵng (Son Trà, Bà Nà). Còn có ở hầu khắp các tỉnh miền Bắc, miền Trung và miền Nam. Loài bổ sung cho Đà Nẵng (Son Trà, Bà Nà).

Mẫu bổ sung: Huyền-967, Huyền-1052, Huyền-1055 (HN); N2D1, N5D1, N10D8, N3D3, N3D7, N3D8, N4D6, N5D5, N15D10, N18D10, N23D11, N28D7 (DNCBT).

68. *Trichotosia velutina* (Lodd. ex Lindl.) Kraenzl. 1911. Pflanzenr. 50: 140; – *Eria velutina* Lodd. ex Lindl. 1840. Bot. Reg. 26, Misc. 209; – Mao lan lông.

Phân bố: Đà Nẵng (Bà Nà). Còn có ở Cao Bằng, Quảng Bình, Quảng Trị, Khánh Hòa, Kon Tum, Gia Lai, Lâm Đồng, Đồng Nai, Kiên Giang. Loài bổ sung cho Đà Nẵng (Bà Nà).

Mẫu bổ sung: Huyền-951 (HN); N6D7b, N12D7, N34D4 (DNCBT).

III. KẾT LUẬN

Sau hai năm điều tra nghiên cứu tại hai KBTTN Son Trà và Bà Nà-Núi Chúa (Đà Nẵng) chúng tôi đã thu thập được 429 số hiệu với 1202 mẫu tiêu bản các loài họ Lan (Orchidaceae). So với các công bố trước đây, chúng tôi đã bổ sung 5 loài cho KBTTN Son Trà và 26 loài cho KBTTN Bà Nà-Núi Chúa. Cho đến nay, chúng tôi xác nhận tổng số loài thuộc họ Lan có ở hai KBTTN nói trên là 68 loài, trong đó có một số loài đặc hữu hoặc có tên trong Sách Đỏ Việt Nam (2007) cần được bảo tồn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1. **Averyanov, V. L.**, 1994. Identification guide to Vietnamese Orchids (Orchidaceae Juss.). St. Petersburg (in Russian).
2. **Nguyễn Tiến Bản**, 2005. Danh lục các loài thực vật Việt Nam, Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội, tập 3: 559-563.
3. **Bộ Khoa học Công nghệ & Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam**, 2007. Sách Đỏ Việt Nam. Phần 2-Thực vật. Nxb. KHTN & CN, Hà Nội.
4. **Seidenfaden, G.**, 1992. The Orchids of Indochina. Opera Botanica, Copenhagen, 114.

DIVERSITY OF ORCHIDACEAE Juss. AT SON TRA AND BA NA-NUI CHUA NATURE RESERVE IN DA NANG, VIETNAM

DUONG DUC HUYEN, DINH HUU QUOC BAO

SUMMARY

Present paper documents the diversity of orchid family (Orchidaceae Juss.) at two Nature Reserve (NR) Son Tra and Ba Na-Nui Chua belonging to the Da Nang City in Vietnam. The paper is an outcome of the surveys conducted for more than 2 years (from March 2013 to July 2014).

As an update to the previously published literature, in this report, we have reported 5 additional species for Son Tra NR and 26 species for Ba Na-Nui Chua NR. So far, we confirm that the total number of species of the Orchidaceae in the two aforementioned Nature Reserve is 68 species, including some endemic and threatened species which are listed in the Vietnam Red Data Book (2007). A list of the species along with their distribution and exsiccate have been provided.